

Số: /NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2023

**DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty cổ phần Công trình Viettel;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông số/BB-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2023.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo số 02/BC-ĐHĐCĐ ngày 27/03/2023 của Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động 2022, định hướng năm 2023.

Điều 2. Thông qua Báo cáo số 04/BC-ĐHĐCĐ ngày 27/03/2023 của Ban Điều hành về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 và kế hoạch kinh doanh năm 2023. Một số chỉ tiêu chính như sau:

2.1. Kết quả kinh doanh năm 2022.

- Số liệu công ty hợp nhất:

TT	Tên chỉ tiêu	TH 2021	TH 2022			So với 2021	
			KH	TH	%KH	Δ	%Δ
I	Chỉ tiêu tài chính (Tỷ đồng)						
1	Tổng doanh thu	7.461	8.586	9.398	109%	1.937	26,0%
2	Tổng chi phí	6.990	8.069	8.843	110%	1.854	26,5%
3	LNTT	471,6	517,6	555	107%	83	17,7%
4	LNST	375,3	413,8	443	107%	68	18,0%
II	Chỉ tiêu hiệu quả						
1	ROA (%)	9,6%	9,0%	8,9%	98%	-0,7%	-7,5%
2	ROE (%)	31,6%	28,8%	30,2%	105%	-1,5%	-4,6%

- Số liệu công ty mẹ:

TT	Tên chỉ tiêu	TH 2021	TH 2022			So với 2021	
			KH	TH	%KH	Δ	%Δ
I	Chỉ tiêu tài chính (Tỷ đồng)						

1	Tổng doanh thu	6.669	7.607	8.238	108%	1.569	24%
2	Tổng chi phí	6.217	7.109	7.708	108%	1.491	24,0%
3	LNTT	451,8	498,2	530	106%	78	17,3%
4	LNST	364,6	399,4	427	106,9%	62	17,1%
II	Chỉ tiêu hiệu quả						
1	ROA (%)	10,0%	9,9%	9,1%	92%	-0,8%	-8,2%
2	ROE (%)	31,20%	29,45%	29,8%	101%	-1,4%	-4,5%

2.2. Kế hoạch kinh doanh năm 2023:

- Chỉ tiêu hợp nhất

TT	Chỉ tiêu hợp nhất	TH 2022	KH 2023	So với 2022	
				Δ	%Δ
I	Chỉ tiêu tài chính (tỷ đồng)				
1	Tổng doanh thu	9.398	10.338	940	10,00%
2	Tổng chi phí	8.843	9.725	882	9,97%
3	LNTT	554,9	613,2	58	10,51%
4	LNST	442,9	487,0	44	9,96%
II	Chỉ tiêu hiệu quả				
1	ROA (%)	8,9%	9,2%	0,3%	3,73%
2	ROE (%)	30,2%	28,0%	-2,1%	-7,09%

- Chỉ tiêu công ty mẹ

TT	Chỉ tiêu công ty mẹ	TH 2022	KH 2023	So với 2022	
				Δ	%Δ
I	Chỉ tiêu tài chính (tỷ đồng)				
1	Tổng doanh thu	8.238	9.256	1.018	12,36%
2	Tổng chi phí	7.708	8.667	959	12,44%
3	LNTT	530,1	589,5	59	11,20%
4	LNST	427,0	471,6	45	10,45%
II	Chỉ tiêu hiệu quả (%)				
1	ROA	9,1%	8,9%	-0,3%	-2,74%
2	ROE	29,8%	26,44%	-3,4%	-11,29%

Điều 3. Thông qua Báo cáo số 07/BC-ĐHĐCĐ ngày 27/03/2023 của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023.

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

Điều 5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2022. Cụ thể:

I. Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2022

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022 (Triệu đồng)	Tỷ trọng	
			%/VĐL	%/LNST
1	Vốn điều lệ đầu kỳ:	1.143.859		

2	Tổng LNST dùng để phân phối:	427.179	37,3%	
-	LNST thực hiện trong kỳ	426.966		
-	LNST chưa phân phối kỳ trước	213		
-	Quỹ ĐTPT tại Công ty mẹ	0		
3	Đề xuất cơ cấu phân phối lợi nhuận:	427.179		
3.1	Trích quỹ ĐTPT	0		
3.2	Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	64.258	5,6%	15,0%
3.3	Trích thưởng BDH, HDQT, BKS	2.500	0,2%	0,6%
	<i>Trong đó:</i>			
	<i>Thưởng Người quản lý công ty:</i>	<i>2.350</i>		
	<i>Thưởng Ban kiểm soát:</i>	<i>150</i>		
3.4	Trả cổ tức :	360.421	<u>31,51%</u>	
*	Trả cổ tức bằng tiền mặt	114.386	10,00%	
*	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	246.035	21,51%	
4	LNST còn lại chưa phân phối:	0		
5	Vốn điều lệ sau khi tăng vốn:	1.389.894		

- ĐHĐCĐ ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS xem xét, quyết định mức thưởng, hình thức thưởng và phương án thưởng cụ thể cho các cá nhân cho mục 3.3 nêu trên.

- Đối với việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: Giao Tổng Giám đốc Tổng công ty phân bổ tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi trên cơ sở nhu cầu chi thực tế và quy định pháp luật và nội bộ của Tổng Công ty

II. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức

1. Phương án phát hành

Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông với phương án như sau:

- Tên cổ phiếu: Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel
- Loại cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số cổ phần hiện có: 114.385.879 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 24.603.497 cổ phiếu (Tương đương 21,51% tổng số cổ phần hiện có)
- Tỷ lệ thực hiện: 10.000:2.151 (mỗi cổ đông sở hữu 10.000 cổ phần tại ngày chốt danh sách cổ đông sẽ được thưởng thêm 2.151 cổ phần mới)

- Nguồn vốn phát hành: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền.
- Ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền: Đại hội cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn thời điểm thích hợp, căn cứ vào tình hình thị trường và hoạt động của Công ty, đảm bảo đúng các quy định của Pháp luật hiện hành.
- Phương thức thực hiện: Cổ đông có tên trong danh sách vào ngày chốt danh sách cổ đông sẽ được nhận số lượng cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ thực hiện.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số lượng cổ phiếu phát hành sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ thập phân (nếu có phát sinh) sẽ bị hủy bỏ và ghi nhận bổ sung vào lợi nhuận chưa phân phối và để lại năm sau.
- Thời gian dự kiến phát hành: Trong năm 2023 (sau khi được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận phương án).

2. Tổ chức thực hiện

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng Công ty quyết định các vấn đề sau và giao cho Tổng Giám đốc Tổng Công ty tiến hành:

- Thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của Pháp luật để thực hiện việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và quyết định việc xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh.
- Thực hiện các thủ tục để thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội; Thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh đối với số lượng cổ phiếu phát hành thành công.
- Chủ động sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty theo quy mô vốn điều lệ tăng thêm và báo cáo Đại hội đồng cổ đông vào phiên họp gần nhất.

Điều 6. Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một Công ty Kiểm toán trong danh sách các công ty nêu trên theo đề xuất của Ban Kiểm soát và giao Tổng Giám đốc ký kết hợp đồng dịch vụ kiểm toán với Công ty Kiểm toán được chọn để thực hiện kiểm toán hoặc soát xét Báo cáo tài chính bán niên (6 tháng) và Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty theo quy định của Pháp luật và Quy chế nội bộ của Công ty. Danh sách các công ty bao gồm:

- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC
- Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA)
- Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Điều 7. Thông qua tờ trình mức thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và đề xuất mức thù lao cho năm 2023 như sau:

1. Quyết toán thù lao, lương Hội đồng quản trị, tiểu ban thư ký và Ban kiểm soát năm 2022:

a. Hội đồng quản trị, Tiểu ban Thư ký: Tổng mức thù lao, lương năm 2022 là: 4,92 tỷ đồng, trong đó:

- **Thù lao cho thành viên HĐQT không chuyên trách:**

- + Thù lao cho Chủ tịch HĐQT: 10 triệu đồng/tháng.
- + Thù lao cho thành viên độc lập HĐQT: 22 triệu đồng/tháng.
- + Thù lao cho các thành viên HĐQT khác: 7 triệu đồng/người/tháng.
- + Thù lao cho thư ký HĐQT không chuyên trách: 5 triệu đồng/người/tháng

- **Lương cho thành viên HĐQT chuyên trách:**

Thực hiện chi trả theo Quy chế lương của Tổng Công ty và thực hiện đúng theo Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 thông qua.

b. Ban Kiểm soát: Tổng mức thù lao, lương năm 2022 là: 2,23 tỷ đồng trong đó:

- **Thù lao cho Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách:**

+ Thù lao cho Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách: 5 triệu đồng/người/tháng.

- **Lương cho Ban Kiểm soát chuyên trách:**

Thực hiện chi trả theo Quy chế lương của Tổng Công ty và thực hiện đúng theo Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 thông qua.

c. Chi phí hoạt động 2022: Tổng chi phí hoạt động 2022 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: 1,24 tỷ đồng.

2. Đề xuất mức thù lao, lương cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, năm 2023:

2.1. Đề xuất Thù lao, lương của HĐQT:

Dự kiến tổng mức thù lao, lương của HĐQT năm 2023 là 6,67 tỷ đồng, trong đó thù lao cho Thành viên HĐQT không chuyên trách:

- + Thù lao cho Chủ tịch HĐQT: 10 triệu đồng/tháng.
- + Thù lao cho thành viên độc lập HĐQT: 22 triệu đồng/tháng.
- + Thù lao cho các thành viên HĐQT khác: 7 triệu đồng/người/tháng.

Lương của Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT chuyên trách: Chi trả theo Quy chế lương và các Quy chế nội bộ của Tổng công ty trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

2.2. Đề xuất Thù lao, lương của Ban kiểm soát:

Dự kiến tổng mức thù lao, lương của Ban kiểm soát năm 2022 là 2,35 tỷ đồng, trong đó thù lao cho Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách: 5 triệu đồng/người/tháng.

Lương của thành viên Ban kiểm soát chuyên trách: Chi trả theo Quy chế lương và các Quy chế nội bộ của Tổng công ty trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

3. Chi phí phục vụ hoạt động của Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát:

Để thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi quyền hạn và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát sử dụng chi phí tuân thủ theo các Quy chế nội bộ mà Tổng Công ty ban hành. Dự kiến chi phí hoạt động 2023 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: 1,5 tỷ đồng.

Điều 8. Thông qua tờ trình số 05/TTr-ĐHĐCĐ ngày 27/03/2023 của Hội đồng Quản trị về việc chấp thuận Hợp đồng, giao dịch với Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội.

Điều 9. Thông qua tờ trình số 06/TTr-ĐHĐCĐ ngày 27/03/2023 của Hội đồng quản trị về nội dung bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel.

Bổ sung ngành nghề kinh doanh mới:

- Các mã ngành nghề đề xuất bổ sung mới: 2816, 4799, 8299.
- Các mã ngành nghề đề xuất bổ sung chi tiết: 4659, 7110, 4329, 3312.

Điều 10. Thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với Bà Nghiêm Phương Nhi.

Điều 11. Bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2020-2025:

- Ông/Bà – Thành viên HĐQT

Điều 12. Điều khoản thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng Công ty có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nơi nhận:

- UBCK, Sở GDCK HCM;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Các cổ đông qua Website;
- Lưu: HĐQT. Quân 03.

ĐỖ MẠNH HÙNG